TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày:17/7/2026

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thoại Yến Nhi – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 17/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2026/TLST- HNGĐ ngày 18/5/2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐST – HNGĐ ngày 10/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp B (nay là ấp S), xã X, thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp B (nay là ấp S), xã X, thành phố Đ.

(Bà T, ông H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 07/11/2014 bà và ông H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ).

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã. Ông H thường hay nhậu nhẹt, không phụ bà về mặt kinh tế gia đình, một mình bà T phải lo cho các con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2024

cho đến nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án được ly hôn với ông H.

Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Phước Anh K, sinh ngày 06/4/2015; cháu Nguyễn Phước K1, sinh ngày 15/12/2016 và cháu Nguyễn Phước T1, sinh ngày 19/12/2021; Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung theo bà T là không có.

* Bị đơn là ông Nguyễn Phước H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và con chung với ông Nguyễn Phước H, cư trú tại: ấp B (nay là ấp S), xã X, thành phố Đ. Như vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn, ông Nguyễn Phước H là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà T có đơn xét xử vắng mặt, ông H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Phước H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/11/2014 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T có nguyện vọng xin ly hôn với ông Nguyễn Phước H nhưng ông không hợp tác, không có lời khai. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã. Ông H thường hay nhậu nhẹt, không phụ bà về mặt kinh tế gia đình, một mình bà T phải lo cho các con. Ông bà đã ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm dành cho nhau. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đều tống đạt văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phước H theo luật định, ông H nhận được nên biết rõ việc bà T làm đơn ly hôn ông nhưng ông không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ ông H cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần thiết cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Phước H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Phước Anh K, sinh ngày 06/4/2015; cháu Nguyễn Phước K1, sinh ngày 15/12/2016 và cháu Nguyễn Phước T1, sinh ngày 19/12/2021; Xét thấy, cháu K và cháu K1 có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T1 còn nhỏ và từ khi ly thân cho đến nay cả 03 cháu đều đang sống với mẹ nên tiếp tục giao 03 cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: bà T không có yêu cầu nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: theo bà T là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền số 0011373 ngày 15/5/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Phước H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Anh K, sinh ngày 06/4/2015; cháu Nguyễn Phước K1, sinh ngày 15/12/2016 và cháu Nguyễn Phước T1, sinh ngày 19/12/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Khi cần thiết, bà T và ông H được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo bà T là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T nộp tại Thi hành án dân sự thành

phố Đ theo biên lai thu tiền số 0011373 ngày 15/5/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà T, ông H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng THA DS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Xuân Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng